

Bản án số: **08/2022/DS - PT**

Ngày: 02 – 02 – 2023

V/v “*Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng công chứng vô hiệu; Yêu cầu độc lập về việc giải quyết hậu quả hợp đồng công chứng vô hiệu*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Hiếu

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Bé

Ông Vũ Việt Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kiều Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Ngô Văn Hùng
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 93/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022 về “*Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng công chứng vô hiệu; Yêu cầu độc lập về việc giải quyết hậu quả hợp đồng công chứng vô hiệu*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2022/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 31/2022/QĐPT – DS ngày 12 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 172/2022/QĐ – PT ngày 27 tháng 12 năm 2022 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 35/2022/TB-TA ngày 16/01/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phan Thị T**, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Tổ XX, phường A, quận B, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

2. *Bị đơn: Văn phòng Công chứng Đ* (nay là Văn phòng Công chứng H); Trụ sở: Số X Đường C, quận D, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Bà H – Chức vụ: Trưởng văn phòng. Có đơn xin xét xử vắng mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông **Mai Xuân C**, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Tổ XX, phường A, quận B, thành phố Đà Nẵng. (Hiện đang chấp hành án phạt tù tại trại giam An Điền). Có đơn xin xét xử vắng mặt

3.2. Bà **Hoàng Thị D**, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Số X đường E, phường K, quận B, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

3.3. Ông **Tăng Long D1** – Công chứng viên, Văn phòng Công chứng Đ (nay là Văn phòng Công chứng H); Địa chỉ: Số 654 Đường C, quận D, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bà Phan Thị T - là nguyên đơn và ông Mai Xuân C - là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

5. *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm

** Nguyên đơn, bà Phan Thị T: Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đã trình bày:*

Xe ô tô hiệu Honda Civic, biển kiểm soát 43A-541XX đứng tên ông Mai Xuân C là tài sản chung của vợ chồng bà T và ông Mai Xuân C. Mặc dù không được sự đồng ý của bà T, nhưng ông Mai Xuân C đã tự ý giả chữ ký của bà T, lập Hợp đồng mua bán xe trên cho bà Hoàng Thị D vào ngày 20/3/2020, tại Văn phòng công chứng Đ, theo hợp đồng Công chứng số 001107, quyền số: 01TP/CC-SCC/HĐGD. Do vậy, bà T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng Công chứng số 001107, quyền số: 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20.3.2020 tại Văn phòng công chứng Đ là vô hiệu và yêu cầu bà Hoàng Thị D trả lại chiếc xe ô tô hiệu Civic, biển số 43A-541XX cho vợ chồng bà T và ông Mai Xuân C quản lý, sử dụng.

Bà T đồng ý với Kết luận giám định số: 04/C09C-Đ2 ngày 01/02/2021, Kết luận giám định số: 45/C09C-Đ2 ngày 15/7/2021 và Kết luận giám định số: 12/KL-KTHS ngày 13/5/2022 của Viện khoa học hình sự - Phân viện KHHS tại thành phố Đà Nẵng.

Đối với yêu cầu độc lập của bà Hoàng Thị D, về việc yêu cầu ông C và VPCC Đ bồi thường giá trị theo kết quả định giá của xe ô tô hiệu Civic, biển số 43A-541.XX, số tiền 789.742.665 đồng, bà T không đồng ý, vì thực tế giữa ông C và bà

D có quan hệ tình cảm với nhau, việc ông Clàm hợp đồng mua bán trên là giả tạo, không có việc mua bán, đồng thời bà D cũng không có giấy tờ về việc trả tiền mua xe với số tiền 1.100.000.000 đồng, trường hợp có bồi thường thì bà T chỉ đồng ý hỗ trợ cho bà D số tiền theo giá trị đã ghi trong hợp đồng là 50.000.000đ.

Đối với yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Bà T yêu cầu Tòa án hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 03/2022/QĐ-BPKCTT ngày 24/01/2022 của TAND quận Liên Chiểu, đồng thời trả lại số tiền đã nộp để áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số tiền là 789.742.665 đồng, vào số tài khoản 5601000079XXXX, tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Vân, theo giấy nộp tiền mặt số 0158, ngày 24/01/2022 theo quy định pháp luật.

** Bị đơn Văn phòng công chứng (Đ) H: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã trình bày:*

Ngày 20/03/2020, ông Mai Xuân C, bà Phan Thị T, và bà Hoàng Thị D đến Văn phòng Công chứng Đ để làm Hợp đồng công chứng việc mua bán xe. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ đã kiểm tra về các giấy tờ liên quan đến việc mua bán xe, như CMND, giấy kết hôn, Giấy tờ xe (bản chính) và giao cho chuyên viên thực hiện việc kiểm tra hồ sơ và làm hợp đồng mua bán xe cho ông C, bà T và bà D. Sau đó, chuyển Hợp đồng qua cho Công chứng viên Tăng Long D1 để thực hiện việc công chứng. Việc thoả thuận giá cả là do các bên tự nguyện. Công chứng viên Tăng Long D1 kiểm tra hồ sơ và công chứng việc mua bán trên, chuyển qua bộ phận đóng dấu và thu phí công chứng.

Việc ông C chủ động, đưa người khác để giả mạo là bà T đến Văn phòng công chứng và đồng thời bà D cũng là người giúp sức, tuy biết là không phải bà T đi cùng nhưng vẫn yêu cầu công chứng. Các bên đã bàn bạc hội ý, tính toán để cố tình dối gạt, đánh lừa Công chứng viên để thực hiện việc công chứng.

Tại Khoản 1 Điều 2 của hợp đồng đã nêu rõ “*giá mua bán xe nêu tại Điều 1 là 50.000.000 đồng Việt Nam*” và Khoản 3 Điều 2 cũng nêu “*việc thanh toán số tiền trên do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật*”.

Văn phòng Công chứng sơ suất không kiểm tra cụ thể các bên tham gia ký hợp đồng. Do tin tưởng ông Mai Xuân C dẫn người đến ký, nay Văn phòng Công chứng mới biết hai người ký hợp đồng không phải là bà T và bà D.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thì Văn phòng Công chứng đồng ý tuyên bố hợp đồng Công chứng số 001107, quyền số: 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20.3.2020 tại Văn phòng công chứng Đ là vô hiệu.

Về giải quyết hậu quả hợp đồng công chứng vô hiệu và yêu cầu độc lập của bà Hoàng Thị D: Việc bà D yêu cầu Văn phòng Công chứng liên đới bồi thường số tiền 789.742.665 đồng, là giá trị chiếc xe ô tô hiệu Civic, biển số 43A-54126, Văn phòng Công chứng không đồng ý, trường hợp nếu Tòa án buộc Văn phòng Công chứng Đ

có trách nhiệm thì Văn phòng công chứng Đ chỉ chịu trách nhiệm theo giá trị đã ghi trong hợp đồng là 50.000.000 đồng.

Văn phòng Công chứng Đ đồng ý với các kết luận giám định của Viện khoa học hình sự - Phân viện KHHS tại thành phố Đà Nẵng do mà Tòa án đã trưng cầu giám định. Đối với kết quả định giá tài sản của Công ty thẩm định giá BTC xác định giá trị xe ô tô hiệu Civic, biển số 43A-541XX số tiền 789.742.665 đồng, thì Văn phòng Công chứng không có ý kiến.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, bà Hoàng Thị D trình bày:*

Chiếc xe ô tô hiệu Civic, biển số 43A-541.XX, chủ sở hữu là ông Mai Xuân C và vợ là Phan Thị T đã chuyển nhượng cho bà vào ngày 20.3.2020, bà D đã giao cho ông C 1.100.000.000 đồng, hai bên có ký kết hợp đồng và công chứng tại Văn phòng công chứng Đ. Trong hợp đồng hai bên thỏa thuận giá trị chuyển nhượng là 50.000.000 đồng mục đích để giảm tiền thuế. Khi thực hiện ký hợp đồng thì bà D không trực tiếp nhìn thấy bà T ký trước mặt công chứng viên mà chỉ nghe ông C nói là vợ ông ký rồi đi về trước nên bà D tin và trực tiếp ký vào hợp đồng, sau đó bà D giao tiền 1.100.000.000 đồng cho ông C và ông C giao xe ô tô, giấy tờ xe và hai bản Hợp đồng mua bán xe (bản gốc) cho bà D. Việc giao nhận tiền không lập văn bản, vì thực tế mua bán xe đã làm thủ tục công chứng tại VPCC, đã giao tiền, giao xe, giấy tờ xe, nếu bà D không giao đủ tiền thì làm gì có chuyện ông C giao xe và toàn bộ giấy tờ liên quan, nên bà D không yêu cầu ông C viết giấy nhận tiền. Còn vì sao chữ ký trên hợp đồng lưu tại Văn phòng công chứng khác với chữ ký trong 02 hợp đồng tôi mang về thì bà D không biết. Ông C cho rằng có tình cảm, nhưng không liên quan gì đến việc mua bán tài sản.

Nay, bà Phan Thị T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng Công chứng số 001107, quyền số: 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20.3.2020 tại Văn phòng công chứng Đ là vô hiệu và trả lại chiếc xe ô tô hiệu Civic, biển số 43A-541.XX lại cho bà thì bà D yêu cầu Tòa án buộc ông C và VPCC Đ liên đới hoàn tiền cho bà D giá trị xe ô tô còn lại theo kết quả định giá của Công ty thẩm định giá BTC đã xác định với số tiền 789.742.665đ, mà không yêu cầu trả lại đủ 1.100.000.000đ đã mua xe và không yêu cầu bồi thường thiệt hại do hợp đồng bị vô hiệu.

Đối với các kết luận giám định của Viện khoa học hình sự - Phân viện KHHS tại thành phố Đà Nẵng, mà Tòa án đã trưng cầu giám định bà D đồng ý.

** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập:*

- Ông Tăng Long D1, công chứng viên Văn phòng công chứng H (trước đây là VPCC Đ) trình bày: Thống nhất nội dung trình bày của Văn phòng công chứng H.

- Ông Mai Xuân C trình bày: Xe ô tô hiệu Honda Civic, biển kiểm soát 43A-541XX, màu đỏ, số máy L15B746236XX, số khung 1680KT0311XX, giấy đăng ký

xe ô tô số 0896XX do Phòng Cảnh sát giao thông Can Tp Đà Nẵng cấp ngày 06/3/2022, đứng tên chủ sở hữu Mai Xuân C là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông C và bà Phan Thị T. Do giữa ông C và bà Hoàng Thị D có quan hệ tình cảm, có con chung với nhau nên ông C đã giao xe ô tô trên cho bà D thuận tiện cho việc chở con đi học. Bà D nhiều lần gây áp lực buộc ông C phải sang tên, giao giấy tờ xe cho cho bà D.

Ngày 20.3.2020, ông C và bà D có đến phòng công chứng Đ làm hợp đồng mua bán xe cho bà D. Ông C nói bà D ký hợp đồng và ký luôn chữ ký của bà T nhưng bà D không dám ký. Ông C đã nhờ hai người khách ở Văn phòng công chứng (không nhớ rõ) ký giùm. Vì giá trị mua bán nhỏ, chỉ 50.000.000 đồng nên họ đồng ý ký giùm.

Bộ hợp đồng lưu tại phòng công chứng, chữ ký của bà T và bà D là do hai người khách ký giùm, hai bộ ông C mang về nhà là bà D ký. Do vậy, chữ ký bà D trong hợp đồng lưu tại văn phòng công chứng và 02 bản hợp đồng ông C mang về nhà là khác nhau.

Việc bà Hoàng Thị D cho rằng ông C đã nhận số tiền 1.100.000.000 đồng để bán xe ô tô trên cho bà D là hoàn toàn không đúng, thực tế ông C không hề nhận một đồng nào của bà D, kể cả số tiền 50.000.000đ đã ghi trong hợp đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thì ông C đồng ý đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng Công chứng số 001107, quyền số: 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20.3.2020 tại Văn phòng công chứng Đ là vô hiệu.

Ông C không đồng ý với yêu cầu độc lập của bà D, không đồng ý trả số tiền bà D yêu cầu, vì ông C không hề nhận tiền của bà D.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:*

- Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán, HĐXX và Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về tuân thủ pháp luật của đương sự: Đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 116, 117, 122, 123 và 131 BLDS đề nghị HĐXX:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên hợp đồng mua bán xe ô tô giữa ông C và bà D vô hiệu.

Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các bên giao dịch trả lại cho nhau những gì đã nhận. Cụ thể:

Buộc bà Hoàng Thị D phải trả lại xe ô tô mang BKS 43A-541.XX có Giấy Chứng nhận đăng ký xe số 0896XX do Phòng CSGT Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 06/3/2020 cho ông Mai Xuân C và bà Phan Thị T.

Buộc ông Mai Xuân C có trách nhiệm trả lại số tiền 50.000.000 đồng cho bà Hoàng Thị D.

** Với nội dung vụ án như trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2022/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng quyết định:*

Áp dụng: Các Điều 122,127,131, 468 Bộ luật Dân sự;

Các Điều 26, 35, 39, 112, 138, 147, 227, 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

I. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T đối với Văn phòng công chứng H (Huỳnh Bá Đại) về việc “*Yêu cầu tuyên bố hợp đồng công chứng vô hiệu*”.
Xử:

2. Tuyên bố Hợp đồng mua bán xe, số Công chứng 001107, quyền số: 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20.3.2020 tại Văn phòng công chứng H (Huỳnh Bá Đại), giữa ông Mai Xuân C, bà Phan Thị T và bà Hoàng Thị D là vô hiệu.

II. Về yêu cầu độc lập của bà Hoàng Thị D:

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Hoàng Thị D về việc “*Yêu cầu độc lập giải quyết hậu quả khi tuyên bố hợp đồng công chứng vô hiệu*”.

Buộc ông Mai Xuân C phải hoàn trả cho bà Hoàng Thị D số tiền 789.742.665đ (*Bảy trăm tám mươi chín triệu, bảy trăm bốn mươi hai ngàn, sáu trăm sáu mươi lăm đồng*). Thanh toán một lần.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Hoàng Thị D có đơn yêu cầu thi hành án, mà ông Mai Xuân C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

III. Về giải quyết hậu quả Hợp đồng vô hiệu.

Buộc bà Hoàng Thị D phải bàn giao xe ô tô hiệu Honda Civic, biển kiểm soát 43A-54126; Giấy Chứng nhận đăng ký xe số 089684 do Phòng CSGT Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 06/3/2020 kèm hồ sơ đăng kiểm xe cho ông Mai Xuân C và bà Phan Thị T.

IV. Về xử lý Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời:

1. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 03/2022/QĐ-BPKCTT ngày 24/01/2022 của TAND quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng.

2. Giao xe ô tô hiệu Honda Civic, biển kiểm soát 43A-541XX, màu đỏ; Số máy: L15B746236XX; Số khung: 1680KT0311XX; Giấy đăng ký xe ô tô số: 0896XX do phòng Cảnh sát giao thông Can Tp Đà Nẵng cấp ngày 06/3/2020, đứng tên ông Mai Xuân C (hiện nay do Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu đang quản lý) cho ông Mai Xuân C và bà Phan Thị T quản lý, sử dụng và định đoạt. Ông Mai Xuân C và bà Phan Thị T được quyền liên hệ với Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu để được nhận lại xe và nộp nghĩa vụ tài chính (nếu có).

3. Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 02/2022/QĐ-BPBD ngày 24/01/2022 của TAND quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng.

4. Hoàn trả cho bà Phan Thị T số tiền đã nộp vào số tài khoản 560100007980XX, theo giấy nộp tiền mặt số 0158, ngày 24/01/2022, tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Vân. Địa chỉ: Số 339 Nguyễn Lương Bằng, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, với số tiền là 789.742.665đ. Bà Phan Thị T được quyền liên hệ với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Vân để được nhận lại số tiền trên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 30 tháng 8 năm 2022, nguyên đơn bà Phan Thị T có Đơn kháng cáo; Ngày 31.8.2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Xuân C có Đơn kháng cáo. Bà T và ông C cùng kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung: Giữa ông C và bà D có quan hệ tình cảm, sống chung với nhau và có một con chung tên là Mai Xuân D2, sinh năm 2019. Ông C giao xe ô tô 43A – 541.26 để bà D chở con che nắng che mưa. Bà D gây áp lực để ông C sang tên xe ô tô cho bà D nên ông C tự ý đến Văn phòng Công chứng Đ mua 03 bộ hồ sơ chuyển nhượng xe ô tô tự ý ghi và ký vào bên chuyển nhượng, bên nhận chuyển nhượng thì ông C nhờ người khác ký giúp và nhờ công chứng viên làm hợp đồng mua bán xe với giá 50.000.000đ. Giữa ông C và bà D không có mua bán, nhận tiền 50.000.000đ đối với xe ô tô 43A – 541.26. Bản án sơ thẩm xác định ông C và bà D có mua bán xe là có thật, chấp nhận yêu cầu độc lập của bà D, buộc ông C trả cho bà D số tiền 789.472.000đ là không có căn cứ, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà D. Ông C tự nguyện giao cho bà D số tiền ghi trong hợp đồng là 50.000.000đ.

* Ngày 31 tháng 8 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 02/QĐK-VKS-DS đối với Bản án sơ thẩm số: 33/2022/DS-ST ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, nội dung kháng nghị: Xe ô tô BKS 43A – 541.26 là tài sản chung của vợ chồng ông Mai Xuân C và bà Phan Thị T, nhưng ông C tự ý lập hợp đồng, nhờ người ký thay bà T tại Văn phòng Công chứng Đ (nay là Văn phòng Công chứng H) vào ngày 20/3/2020 để bán xe này cho bà Hoàng Thị D là vi phạm

điều cấm của pháp luật. Do đó, hợp đồng mua bán xe ô tô BKS 43A – 541.26 giữa ông C và bà D là vô hiệu.

Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Bản án sơ thẩm buộc bà D phải trả lại xe ô tô BKS 43A – 541.26 cho vợ chồng bà T ông C là phù hợp. Tuy nhiên, buộc ông C phải trả lại cho bà D số tiền 789.742.665đ (*là giá trị xe ô tô tại thời điểm năm 2021*) là không phù hợp. Bởi lẽ, ông C và bà D có quan hệ tình cảm và có con chung với nhau, ông C giao xe cho bà D là để chở con đi học, thực tế không có giao dịch mua bán xe, không nhận khoản tiền mua bán xe nào từ bà D. Bà D cho rằng đã trả cho ông C 1,1 tỉ đồng để mua xe nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, chỉ có căn cứ buộc ông C phải trả lại cho bà D số tiền mua bán xe như đã ghi trong hợp đồng là 50.000.000đ. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo nội dung nêu trên.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Phan Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo và không thống nhất với bà D về việc giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Ông Mai Xuân C vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nhưng tại Bản tự khai ngày 28/12/2022 có xác nhận của Giám thị Trại giam An Điền, ông C trình bày giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng thay đổi một phần nội dung Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 02/QĐK-VKS-DS của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, cụ thể: Giữa ông C và bà D không có giao dịch mua bán xe, giao tiền mua bán xe, do đó không có cơ sở buộc ông C trả lại 50.000.000đ khi hợp đồng mua bán xe vô hiệu. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án ông C tự nguyện giao cho bà D số tiền 50.000.000đ như ghi trong hợp đồng. Do đó, đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị T, ông Mai Xuân C và kháng nghị của Viện kiểm sát; Sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Hoàng Thị D về việc buộc ông Mai Xuân C phải hoàn trả cho bà Hoàng Thị D số tiền 789.742.665đ; ghi nhận sự tự nguyện của ông Mai Xuân C giao cho bà D số tiền 50.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn Văn phòng Công chứng H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Mai Xuân C, ông Tăng Long D1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX tiếp tục tiến hành phiên tòa, xét xử vắng mặt những đương sự nêu trên.

[2] Về phạm vi kháng cáo và kháng nghị: Nguyên đơn bà Phan Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Xuân C kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu kháng nghị một phần bản án sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập của bà Hoàng Thị D về việc giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, buộc ông Mai Xuân C phải hoàn trả cho bà Hoàng Thị D số tiền 789.742.665đ. Các phần khác tại quyết định của bản án sơ thẩm các đương sự trong vụ án không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị. Do đó, HĐXX phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự về phạm vi xét xử phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Xuân C và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu có cùng nội dung về việc bản án sơ thẩm tuyên buộc ông C phải hoàn trả cho bà Hoàng Thị D số tiền 789.742.665đ theo yêu cầu độc lập của bà Hoàng Thị D là không có cơ sở. Do vậy, HĐXX xét đồng thời kháng cáo của bà T, ông C cùng kháng nghị của Viện kiểm sát.

[3.1] Xe ô tô Honda Civic BKS 43A – 541.26 là tài sản chung của vợ chồng ông Mai Xuân C và bà Phan Thị T, nhưng ông C tự ý nhờ người giả là Phan Thị T ký hợp đồng bán xe ô tô BKS 43A – 541.26 cho bà Hoàng Thị D tại Hợp đồng mua bán xe, số Công chứng 001107, quyển số: 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20.3.2020 tại Văn phòng công chứng Đ (nay là Văn phòng công chứng H) là vi phạm điều cấm của pháp luật nên bị vô hiệu theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 117, Điều 123 Bộ luật dân sự 2015.

[3.2] Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Theo quy định tại khoản 2 Điều 131 của Bộ luật dân sự 2015 về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu: *Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.*

Bà Hoàng Thị D trình bày: Sau khi trực tiếp ký vào hợp đồng, nhận xe và giấy tờ xe bà D đã giao cho ông C số tiền mua xe là 1.100.000.000đ. Tuy nhiên, bà D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc giao tiền nhận tiền mua bán xe. Ông Mai Xuân C không thừa nhận nội dung bà D trình bày và cho rằng: Giữa ông C và bà D có quan hệ tình cảm sống chung và có một con chung, nên ông giao xe ô tô 43A-541XX cùng giấy tờ xe cho bà D chở con đi lại và tự ý đến Văn phòng Công chứng nhờ người ký giả chữ ký của cả bà Phan Thị T và bà Hoàng Thị D trong hợp đồng mua bán xe bản lưu tại Văn phòng công chứng, 02 bản hợp đồng còn lại ông C mang về nhà bà D ký. Ông và bà D không có giao dịch mua bán xe, nhận tiền mua bán xe, kể cả khoản tiền 50.000.000đ ghi trong hợp đồng. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phan Thị T cũng trình bày thống nhất như nội dung ông C đã trình bày trên.

HĐXX xét thấy, theo Giấy khai sinh (bản sao) của cháu Mai Xuân D2, sinh ngày 13/12/2019, do UBND xã Bình Hải, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam cấp

ngày 21/10/2020 (BL 246) thể hiện, mẹ là Hoàng Thị D và cha là Mai Xuân C, sinh năm 1977, nơi cư trú: phường A, quận B, Tp Đà Nẵng. Giấy khai sinh cho con Mai Xuân D2 là do chính bà Hoàng Thị D đi khai sinh cho con. Ngoài ra, theo các Kết luận giám định của Viện khoa học hình sự - Phân viện KHHS tại thành phố Đà Nẵng, trong 03 (ba) bản Hợp đồng mua bán xe, gồm 01 bản được lưu tại Văn phòng công chứng và 02 bản do bà Hoàng Thị D giao nộp, thì trên cả ba bản hợp đồng đều không phải chữ viết và chữ ký của bà Phan Thị T. Đối với chữ viết và chữ ký bà Hoàng Thị D trên bản hợp đồng được lưu tại Văn phòng công chứng cũng không phải của bà D, chỉ 02 bản hợp đồng do bà D giao nộp là chữ ký và chữ viết của bà D. Do đó, xét thấy nội dung trình bày của ông C, bà T như trên là có cơ sở.

Do ông C và bà D không có giao, nhận tiền nên không có cơ sở buộc ông C trả lại cho bà D khoản tiền đã nhận, theo quy định tại khoản 2 Điều 131 của Bộ luật dân sự 2015 về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu. Do đó bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của bà D tuyên buộc ông C hoàn trả lại số tiền bán xe đã nhận là 789.742.665đ là không có cơ sở. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, tại đơn kháng cáo ông C tự nguyện giao cho bà D số tiền 50.000.000đ như ghi trong hợp đồng mua bán xe, xét thấy đây là sự tự nguyện của ông C, nên HĐXX phúc thẩm ghi nhận.

[4] Từ những phân tích nhận định trên, xét thấy kháng cáo của bà Phan Thị T và ông Mai Xuân C và kháng nghị của Viện kiểm sát nhận dân quận Liên Chiểu sau khi Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng thay đổi một phần tại phiên tòa hôm nay là có cơ sở, phù hợp với phân tích nhận định trên của HĐXX nên được chấp nhận. HĐXX phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu theo hướng nhận định trên.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí sơ thẩm: Bị đơn Văn phòng Công chứng H phải chịu 300.000đ; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Hoàng Thị D phải chịu 35.589.706đ, theo quy định tại khoản 2, 6 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5.2] Án phí phúc thẩm: Bà Phan Thị T và ông Mai Xuân C không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Xuân C và Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 02/QĐK-VKS-DS của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu sau khi Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng thay đổi một phần tại phiên tòa;

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2022/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ:

- Các Điều 26, 35, 39, 112, 138, 147, 227, 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Điểm c khoản 1 Điều 117, Điều 122, 123, 131 Bộ luật Dân sự 2015;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

I. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T đối với Văn phòng Công chứng Đ (nay là Văn phòng Công chứng H) về việc “*Yêu cầu tuyên bố hợp đồng công chứng vô hiệu*”.

2. Tuyên bố Hợp đồng mua bán xe, số Công chứng 001107, quyền số: 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20.3.2020 tại Văn phòng Công chứng Đ (nay là Văn phòng Công chứng H), giữa ông Mai Xuân C, bà Phan Thị T và bà Hoàng Thị D là vô hiệu.

II. Về giải quyết hậu quả Hợp đồng vô hiệu.

1. Buộc bà Hoàng Thị D phải bàn giao xe ô tô hiệu Honda Civic, biển kiểm soát 43A-541XX; Giấy Chứng nhận đăng ký xe số 0896XX do Phòng CSGT Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 06/3/2020 kèm hồ sơ đăng kiểm xe cho ông Mai Xuân C và bà Phan Thị T.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Hoàng Thị D về việc:

Buộc ông Mai Xuân C phải hoàn trả cho bà Hoàng Thị D số tiền 789.742.665đ (*Bảy trăm tám mươi chín triệu, bảy trăm bốn mươi hai ngàn, sáu trăm sáu mươi lăm đồng*).

III. Về xử lý Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời:

1. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 03/2022/QĐ-BPKCTT ngày 24/01/2022 của TAND quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng.

2. Giao xe ô tô hiệu Honda Civic, biển kiểm soát 43A-541.XX, màu đỏ; Số máy: L15B746236XX; Số khung: 1680KT0311XX; Giấy đăng ký xe ô tô số: 0896XX do phòng Cảnh sát giao thông Can Tp Đà Nẵng cấp ngày 06/3/2020, đứng tên ông Mai Xuân C (hiện nay do Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu đang quản lý) cho ông Mai Xuân C và bà Phan Thị T quản lý, sử dụng và định đoạt. Ông Mai Xuân C và bà Phan Thị T được quyền liên hệ với Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu để được nhận lại xe và nộp nghĩa vụ tài chính (nếu có).

3. Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 02/2022/QĐ-BPBD ngày 24/01/2022 của TAND quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng.

4. Hoàn trả cho bà Phan Thị T số tiền đã nộp vào số tài khoản 560100007980XX, theo giấy nộp tiền mặt số 0158, ngày 24/01/2022, tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Vân. Địa chỉ: Số 339 Nguyễn Lương Bằng, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, với số tiền là 789.742.665đ. Bà Phan Thị T được quyền liên hệ với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Vân để được nhận lại số tiền trên.

IV. Về án phí:

1. Án phí dân sự sơ thẩm:

1.1. Văn phòng công chứng H phải chịu số tiền 300.000 đ.

1.2. Bà Hoàng Thị D phải chịu số tiền 35.589.706đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.500.000 đồng, theo biên lai thu số 0004917 ngày 06/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng. Bà D còn phải nộp số tiền là 13.089.706đ.

1.3. Hoàn trả cho bà Phan Thị T số tiền 300.000đ, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004695 ngày 22/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng.

2. Án phí phúc thẩm: Bà Phan Thị T và ông Mai Xuân C không phải chịu án phí phúc thẩm, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp mỗi người là 300.000 đồng, theo Biên lai thu số 5419 ngày 31 tháng 8 năm 2022 và Biên lai thu số 5420 ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

V. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

VI. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Chi Cục THADS quận Liên Chiểu;
- Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Cao Văn Hiếu

